

Phụ lục 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI UBND HUYỆN NĂM 2019
(Kèm theo Công văn số 1270/UBND-NV ngày 22 tháng 8 năm 2019 của UBND huyện)

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|--|---|---------------------------------------|
| 1. | TCTP 1.1.1 - Ban hành kế hoạch CCHC | - Yêu cầu: + Nội dung kế hoạch: Phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định của Chính phủ; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm; + Thời gian ban hành: Kế hoạch lần 1 trước ngày 31/12/2018; Kế hoạch rà soát, sửa đổi, bổ sung xong trước ngày 30/3/2019. - Nếu kế hoạch CCHC đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung và thời gian ban hành nêu trên thì điểm đánh giá là 0.5; không đáp ứng một trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0. | Kế hoạch CCHC năm | Phòng Nội vụ |
| 2. | TCTP 1.1.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC | Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch CCHC cơ quan đã ban hành. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2.00}{100\%} \right]$. Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì | - Kế hoạch CCHC năm; - Báo cáo CCHC năm; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|---|---|------------------------------------|
| | | <p>điểm đánh giá là $[85\% \cdot 2.00] / 100\% = 1,7$ điểm.</p> <p>- Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</p> | | |
| | <p>TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (đủ số lượng, nội dung, thời gian theo quy định)</p> | <p>- Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định của UBND tỉnh, văn bản hướng dẫn của các sở phụ trách lĩnh vực báo cáo.</p> <p>Thời gian gửi báo cáo theo quy định:</p> | <p>Các báo cáo định kỳ về CCHC được quy định; các báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của các sở, ngành về CCHC.</p> | |
| | | <p>+ Báo cáo định kỳ về CCHC, gửi đến Sở Nội vụ (báo cáo quý I, trước ngày 05/3; báo cáo 6 tháng đầu năm, trước ngày 05/6; báo cáo quý III, trước ngày 05/9; báo cáo năm, trước ngày 05/11).</p> <p>+ Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, gửi đến Sở Nội vụ trước ngày 15/11.</p> <p>+ Báo cáo định kỳ về Chỉ số PAPI gửi đến Sở Nội vụ (báo cáo quý I, trước ngày 15/3; báo cáo 6 tháng đầu năm, trước ngày 15/6; báo cáo quý III, trước ngày 15/9; báo cáo năm, trước ngày 10/12)</p> | | <p>Phòng Nội vụ</p> |
| | | <p>+ Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát VBQPPL, gửi đến Sở Tư pháp trước ngày 10/11.</p> <p>+ Báo cáo năm về tình hình theo dõi thi</p> | | <p>Phòng Tư pháp</p> |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|-------------|--|---------------------|------------------------------------|
| | | hành pháp luật, gửi đến Sở Tư pháp trước ngày 10/10. + Báo cáo năm về phổ biến giáo dục pháp luật, gửi đến Sở Tư pháp trước ngày 20/11. | | |
| | | + Báo cáo về kiểm soát TTHC gửi đến Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo quý trước ngày 20 của tháng cuối quý I, II, III, IV; báo cáo năm trước ngày 25/12). | | Văn phòng HĐND&UBND |
| | | + Báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng CNTT, gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông (báo cáo quý I, trước ngày 15/3; báo cáo 6 tháng, trước ngày 15/6; báo cáo quý III, trước ngày 15/9; báo cáo năm, trước ngày 15/11). | | Phòng VH&TT |
| | | - Nếu tất cả các loại báo cáo thực hiện đúng quy định về số lượng, nội dung và thời gian gửi như quy định thì điểm đánh giá là 3.5 điểm, cụ thể như sau: + Báo cáo CCHC định kỳ đạt 1 điểm; + Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát VBQPPL đạt 0.25 điểm; + Báo cáo năm về theo dõi thi hành pháp luật đạt 0.25 điểm; + Báo cáo năm về phổ biến giáo dục pháp luật đạt 0.25 điểm; + Báo cáo quý, năm về kiểm soát TTHC đạt | | |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|---|---|------------------------------------|
| | | 0.5 điểm; + Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức đạt 0.25; + Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT định kỳ đạt 0.5 điểm; + Báo cáo định kỳ về Chỉ số PAPI đạt 0.5 điểm. - Nếu loại báo cáo nào không đáp ứng đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời gian thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với thang điểm của loại báo cáo đó. | | |
| 3. | TCTP 1.3.1 - Thực hiện kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị trực thuộc | Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm so với tổng số cơ quan, đơn vị đề ra trong kế hoạch kiểm tra (kế hoạch kiểm tra đề ra ít nhất kiểm tra 30% số đơn vị thuộc, trực thuộc). Nếu tỷ lệ này đạt: - Đạt 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 100% kế hoạch đề ra thì điểm đánh giá là 0. - Nếu kế hoạch kiểm tra CCHC của cơ quan không đề ra số lượng đơn vị kiểm tra thì không có tổng để xác định mức độ hoàn thành, điểm đánh giá là 0. | Hồ sơ kiểm tra: Kế hoạch, quyết định, biên bản, thông báo kết luận, báo cáo kết quả kiểm tra. | Phòng Nội vụ |
| 4. | TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề | Thống kê số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm | - Biên bản, thông báo kết luận, báo cáo kết quả kiểm tra; | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|---|---|------------------------------------|
| | phát hiện qua kiểm tra | quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị thì điểm đánh giá là 0. | - Kế hoạch khắc phục, báo cáo kết quả khắc phục và các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra. | |
| 5. | TCTP 1.4.1 – Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC | - Yêu cầu: + Kế hoạch tuyên truyền CCHC có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm. + Từng nhiệm vụ trong kế hoạch phải cụ thể, xác định rõ kết quả/sản phẩm đầu ra, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. - Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0. | - Kế hoạch tuyên truyền CCHC; - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). | Phòng Nội vụ |
| 6. | TCTP 1.4.2 - Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC | - Tuyên truyền CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, theo một trong các hình thức sau: (1) Đăng tải thông tin CCHC trên website của cơ quan, đơn vị; (2) Tuyên truyền CCHC trên Đài phát thanh | - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|---|---------------------------------------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - truyền hình của tỉnh, huyện thì điểm đánh giá là 0.5; - Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: tham gia các cuộc thi tìm hiểu, giải pháp, sáng kiến CCHC do tỉnh tổ chức; các hình thức tuyên truyền CCHC khác do cơ quan, đơn vị tổ chức như: tọa đàm về CCHC, tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC thì điểm đánh giá là 0.5. - Nếu không thực hiện tuyên truyền về CCHC thì điểm đánh giá là 0. | | |
| 7. | TC 1.5 - Sáng kiến/giải pháp mới trong cải cách hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận | <ul style="list-style-type: none"> - Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận phải đáp ứng yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chính thức thực hiện hoặc cho phép thí điểm; + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi cấp tỉnh; + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh, của ngành. - Nếu từ 3 sáng kiến/giải pháp mới trở lên thì điểm đánh giá là 2; có 2 sáng kiến/giải | <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC; - Các văn bản công nhận sáng kiến của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). | <p>Phòng Nội vụ</p> |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|--|--|--------------------------------------|
| | | pháp mới trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0. | | |
| 8. | TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao | <ul style="list-style-type: none"> - Các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được tính theo tỷ lệ %: + Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ được giao điểm đánh giá là 1; + Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ điểm đánh giá là 0,5; + Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao điểm đánh giá là 0. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của đơn vị; - Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; - Các tài liệu kiểm tra của Tổ công tác 1169 (biên bản, thông báo kết luận...); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp). - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 9. | TC 1.7 - Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Ban chỉ đạo tỉnh về CCHC trong năm | <ul style="list-style-type: none"> - Các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được tính theo tỷ lệ %: + Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ được giao điểm đánh giá là 1; + Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ điểm đánh giá là 0,5; + Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao điểm đánh giá là 0. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). | Phòng Nội vụ |
| 10. | TCTP 2.1.1 - Thực hiện các hoạt động về | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Nếu thực hiện đầy đủ 3 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của sở; - Các văn bản được rà soát, các văn bản xử | Phòng Tư pháp |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|---|---------------------------------------|
| | theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL) | <p>59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành thì điểm đánh giá là 1, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.25. + Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.25. + Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5. - Nếu hoạt động nào trong 3 hoạt động nêu trên không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 tương ứng với hoạt động đó. | <p>lý kết quả sau khi rà soát (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp). | |
| 11. | TCTP 2.1.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, các huyện, thành phố xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. - Nếu ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1; không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của sở; - Các văn bản được rà soát, các văn bản xử lý kết quả sau khi rà soát (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp). | Phòng Tư pháp |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|------|---|--|---|------------------------------------|
| 12. | TC 2.2 – Xây dựng, ban hành các văn bản QPPL theo quy định | - Yêu cầu: 100% VBQPPL được xây dựng, ban hành đúng trình tự, thủ tục, thời gian, đúng thẩm quyền, đúng quy trình thì điểm đánh giá là 1 Dưới 100% VBQPPL được xây dựng, ban hành đúng thời gian, đúng thẩm quyền, đúng quy trình thì điểm đánh giá là 0 | - Hồ sơ xây dựng văn bản QPPL; - Văn bản QPPL đã ban hành; | Phòng Tư pháp |
| 13. | TC 2.3 - Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện | - Yêu cầu: Việc Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thành phố hoàn thành 100% Kế hoạch thì điểm đánh giá là 1 Hoàn thành từ 85% - dưới 100% Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.5 Hoàn thành dưới 85% Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0 điểm | - Kế hoạch Phổ biến giáo dục pháp luật; - Các Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL cụ thể; - Các báo cáo (<i>bao gồm cả số liệu kèm theo</i>); - Các văn bản, tài liệu khác có liên quan. | Phòng Tư pháp |
| 14. | TCTP 2.4.1- Việc ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL | - Yêu cầu: Ban hành Kế hoạch đảm bảo về thời gian, chất lượng theo yêu cầu tại Kế hoạch của UBND tỉnh thì điểm đánh giá là 0.5 Ban hành Kế hoạch không đảm bảo về thời gian, chất lượng theo yêu cầu tại Kế hoạch của UBND tỉnh hoặc không ban hành kế hoạch thì điểm đánh giá là 0 | Kế hoạch công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của các huyện, thành phố. | Phòng Tư pháp |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|------|---|---|---|------------------------------------|
| 15. | TC 2.4.2 - Xử lý VBQPPL sau rà soát | <p>- Yêu cầu: Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đã được xử lý so với tổng số văn bản kiến nghị xử lý sau rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.0}{100\%} \right]$ <p>Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0</p> | <p>- Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản năm;</p> <p>- Văn bản đã rà soát, văn bản xử lý kết quả sau khi rà soát;</p> <p>- Các văn bản, tài liệu khác có liên quan.</p> | Phòng Tư pháp |
| 16. | TC 2.4.3 - Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra | <p>- Yêu cầu: Tính tỷ lệ % giữa số văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra so với tổng số văn bản kiến nghị xử lý qua kiểm tra. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 70% - 100% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% số VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.0}{100\%} \right]$ <p>- Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0</p> | <p>- Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản năm;</p> <p>- Văn bản được kiểm tra, văn bản đã xử lý (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền(nếu có));</p> <p>- Các văn bản, tài liệu khác có liên quan.</p> | Phòng Tư pháp |
| 17. | TC 3.1.1- Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC của UBND huyện theo quy định của UBND tỉnh | <p>- Yêu cầu: Kế hoạch kiểm soát TTHC của UBND huyện ban hành đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5. Ban hành không đúng quy định, hướng dẫn thì điểm đánh giá là 0</p> | <p>- Kế hoạch kiểm soát TTHC của UBND huyện.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp).</p> | Văn phòng HĐND&UBND huyện |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|--|------------------------------------|
| 18. | TC 3.1.2- Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm soát TTHC | <p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch kiểm soát TTHC cơ quan đã ban hành. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1 - Từ 80% - dưới 100% kế hoạch, thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$. - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0. | <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch kiểm soát TTHC của UBND huyện. - Báo cáo năm về kiểm soát TTHC của UBND huyện - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 19. | TCTP Công khai TTHC 3.2.1- | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Công khai 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định + Công khai TTHC tại nơi tiếp nhận và trả kết quả thì điểm đánh giá là 0.5 + Công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thì điểm đánh giá là 0.5. - Nếu đơn vị nào không đạt 1 trong các yêu cầu trên thì đạt 0 điểm đối với nội dung đánh giá tương ứng. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm ; Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 20. | TCTP Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT của tỉnh, huyện và Công dịch vụ 3.2.2 - | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: + Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đảm bảo 100% thì điểm đánh giá là 1 + Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC dưới 100% thì điểm đánh giá là 0 | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm ; Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|---|---|------------------------------------|
| | công của tỉnh | | | |
| 21. | TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa | <p>- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ.</p> <p>+ Nếu 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm hành chính công thì điểm đánh giá là 1</p> <p>+ Nếu đơn vị nào không đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm hành chính công thì điểm đánh giá là 0.</p> | <p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm ; Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp).</p> | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 22. | TCTP 3.3.2 - Tỷ lệ TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông ngang (liên thông cùng cấp) | <p>- Yêu cầu: Lập danh mục TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp hành chính. Trong đó, nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC.</p> <p>- Nếu số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp đạt:</p> <p>+ Từ 06 TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Từ 03 đến 05 TTHC thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>+ Dưới 03 TTHC thì điểm đánh giá là 0;</p> <p>- Trường hợp các cơ quan, đơn vị có ít TTHC, nhưng số lượng TTHC được giải</p> | <p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm ; Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp).</p> | Văn phòng HĐND&UBND huyện |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|--|--|--------------------------------------|
| | | quyết theo hình thức liên thông cùng cấp chiếm từ 50% trở lên trong tổng số TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1. Ví dụ đơn vị có 4 TTHC, trong đó có 2 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp thì điểm đánh giá là 1. | | |
| 23. | TCTP 3.3.3 - Tỷ lệ TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông dọc (liên thông giữa các cấp chính quyền) | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Lập danh mục TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền. Trong đó, nêu rõ cơ quan chủ trì, đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC. - Nếu số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau, nếu: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 6-8 TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 6 TTHC thì điểm đánh giá là 0.5; + Không có TTHC thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp các cơ quan, đơn vị có ít TTHC, nhưng số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau chiếm từ 30% trở lên trong tổng số TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1. Ví dụ đơn vị có 3 TTHC, trong đó có 1 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau thì điểm đánh giá là 1. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị. - Danh mục TTHC thực hiện liên thông; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 24. | TCTP 3.3.4 - | Yêu cầu : Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ | - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm; | Văn phòng HĐND&UBND |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|--|--|--------------------------------------|
| | Kết quả giải quyết TTHC | <p>TTHC do cơ quan , đơn vị tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn , trước hạn so với tổng số hồ sơ TTHC do cơ quan , đơn vị đã tiếp nhận trong năm.</p> <p>- Nếu đạt từ 95% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn, trước hạn thì điểm đánh giá tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2.00}{100\%} \right]$.</p> <p>- Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn, trước hạn thì điểm đánh giá là 0.</p> | <p>Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp).</p> | huyện |
| 25. | TCTP 3.3.5 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC | <p>Yêu cầu : thực hiện đầy đủ và đúng quy định việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Trường hợp trễ hẹn mà không phải lỗi do cơ quan nhà nước đề nghị có giải trình cụ thể đối với từng trường hợp.</p> <p>- Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; nếu thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>- Trường hợp đơn vị không có hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1.</p> | <p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm; Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- các văn bản xin lỗi theo quy định.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp).</p> | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 26. | TCTP 3.4.1 - Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá | <p>Yêu cầu: Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số</p> | <p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh</p> | Văn phòng HĐND&UBND huyện |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|--|---------------------------------------|
| | nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đúng quy định | 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá 0.5 - Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp cơ quan không có PAKN thì điểm đánh giá là 0.5. | cung cấp). | |
| 27. | TCTP 3.4.2 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh | Yêu cầu: Thống kê tất cả các PAKN trong năm về TTHC do cơ quan tiếp nhận và các PAKN do UBND tỉnh yêu cầu giải quyết. Tính tỷ lệ % giữa PAKN đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số PAKN đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời thì điểm đánh giá là 1 - Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0.5 - Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0 - Trường hợp cơ quan không có PAKN thì điểm đánh giá là 1. | - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị. - Văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 28. | TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện | - Yêu cầu: Các huyện, thành phố phải thường xuyên rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của | - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan; | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|--|------------------------------------|
| | toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc | <p>phòng chuyên môn thuộc huyện, đơn vị trực thuộc (nếu có), bảo đảm đúng quy định của Chính phủ, UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Tổ chức bộ máy đảm bảo đúng quy định, phù hợp thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của huyện, thành phố.</p> <p>- Nếu thực hiện đúng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thì điểm đánh giá là 1; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> | - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | |
| 29. | TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính | <p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Đối với các phòng thuộc huyện, thành phố: Thực hiện đúng số lượng lãnh đạo, quản lý theo quy định nhưng vẫn phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì điểm đánh giá là 0.5 điểm, vượt số lượng thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>+ Thực hiện đúng số lượng quy định về cơ cấu số lãnh đạo đơn vị trực thuộc huyện, thành phố theo quy định điểm đánh giá là 0.5, thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> | <p>- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại cơ quan;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).</p> | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|--|------------------------------------|
| 30. | TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính | Nếu số lượng biên chế hành chính của huyện, thành phố đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 1; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | Phòng Nội vụ |
| 31. | TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập | - Yêu cầu: Thống kê tổng số người làm việc hiện có tại các đơn vị SNCL trực thuộc so với tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao theo quy định. - Nếu tổng số người làm việc hiện có tại các đơn vị SNCL trực thuộc không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 1; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0. - Nếu cơ quan nào không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì điểm đánh giá là 1. | - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | Phòng Nội vụ |
| 32. | TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015 | Thống kê tổng số biên chế hành chính của đơn vị được giao trong năm 2015. Thống kê tổng số biên chế hành chính thực tế của đơn vị trong năm đánh giá. Tính tỷ lệ % giảm số lượng biên chế hành chính thực tế của đơn vị trong năm đánh giá so với tổng số biên chế hành chính của đơn | - Báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|---|--|------------------------------------|
| | | vị được giao trong năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 2 - Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế} \times 2.0}{10\%} \right]$ | | |
| 33. | TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành | - Yêu cầu: Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định của UBND tỉnh. - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | Phòng Nội vụ |
| 34. | TCTP 4.3.2 - Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp | - Yêu cầu: Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của UBND tỉnh theo lĩnh vực ngành quản lý. - Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0. - Nếu cơ quan nào không có nội dung về phân cấp cho cấp huyện và cấp xã thì điểm đánh giá là 0.5 | - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với cấp huyện, xã; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|------|---|---|--|------------------------------------|
| 35. | TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra | Nếu 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0. | - Các thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện. | Phòng Nội vụ |
| 36. | TC 5.1 - Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm | - Yêu cầu: Thực hiện bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí. - Đã hoàn thiện Đề án vị trí việc làm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả công việc và thực hiện đúng quy định điểm đánh giá là 1; - Đã hoàn thành nhưng chưa thực hiện đúng quy định điểm đánh giá là 0,5. - Chưa hoàn thành điểm đánh giá là 0. | 1. Biểu Danh mục vị trí việc làm 2. Biểu Khung năng lực theo vị trí việc làm 3. Bản Mô tả công việc của vị trí việc làm 4. Báo cáo tình hình thực hiện Đề án vị trí việc làm. 5. Đề án của 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có), gồm: (Biểu Danh mục vị trí việc làm; Biểu Khung năng lực theo vị trí việc làm; Bản Mô tả công việc của vị trí việc làm; Báo cáo tình hình thực hiện Đề án vị trí việc làm). (Đối với Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Văn hóa TT&DL; Sở Lao động TBXH; Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo: mỗi sở gửi 03 đơn vị). | Phòng Nội vụ |
| 37. | TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức cấp xã | - Yêu cầu: + Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức thì điểm đánh giá là 0,5; thực hiện có nội dung chưa đảm bảo quy định thì điểm đánh giá là 0. + Nếu trong năm không tuyển dụng công chức cấp xã thì điểm đánh giá là 0.5. | - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo tình hình tuyển dụng, sử dụng công chức cấp xã; - Các văn bản liên quan đến tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | Phòng Nội vụ |
| 38. | TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển | - Yêu cầu: + Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức đơn vị trực thuộc điểm đánh giá | - Báo cáo tình hình tuyển dụng, sử dụng viên chức; - Các văn bản liên quan đến tổ chức tuyển | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|---|------------------------------------|
| | dụng viên chức tạo các đơn vị sự nghiệp công lập | là 0.5. Thực hiện có nội dung chưa đảm bảo quy định thì điểm đánh giá là 0 + Nếu trong năm không thực hiện tuyển dụng viên chức thì điểm đánh giá là 0.5. + Đối với các huyện, thành phố không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, không thực hiện tuyển dụng viên chức thì điểm đánh giá là 0.5. | dụng viên chức, gồm: (Kế hoạch tuyển dụng, Thông báo tuyển dụng, Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng, Quyết định ban hành quy chế làm việc của Hội đồng tuyển dụng, Quyết định thành lập các ban giúp việc Hội đồng tuyển dụng, Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện thi tuyển, xét tuyển, Thông báo nội dung ôn tập thời gian, địa điểm thi tuyển hoặc xét tuyển, Kết quả phê duyệt kết quả tuyển dụng). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. | |
| 39. | TCTP 5.3 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính | - Yêu cầu: + Nếu 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện, thành phố và tương đương được bổ nhiệm (cả bổ nhiệm lại) đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; nếu bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. + Nếu 100% số lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo cấp phòng của đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm (cả bổ nhiệm lại) đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; nếu bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng của đơn vị trực thuộc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê tình hình bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng, đơn vị trực thuộc trong năm; - Hồ sơ bổ nhiệm (cả bổ nhiệm lại) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | Phòng Nội vụ |
| 40. | TCTP 5.4.1 - Thực hiện trình | - Yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định | - Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của cơ quan; | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|--|------------------------------------|
| | tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định | của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Nội vụ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. | - Hồ sơ đánh giá, phân loại (kế hoạch, các biên bản họp, Quyết định đánh giá, phân loại...) của sở và các đơn vị trực thuộc (nếu có) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | |
| 41. | TCTP 5.4.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức | - Yêu cầu: Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức. - Nếu trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức của huyện, thành phố và đơn vị trực thuộc bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì được 1 điểm; - Nếu trong năm có cán bộ, công chức, viên chức của huyện, thành phố và đơn vị trực thuộc bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | Phòng Nội vụ |
| 42. | TC 5.5 - Mức độ thực hiện thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong năm đánh giá | Nếu thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong năm đánh giá đảm bảo 100% trở lên theo kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; thực hiện dưới 100% theo kế hoạch: 0 | - Kế hoạch thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong năm đánh giá - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp). | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|------|---|---|--|------------------------------------|
| 43. | TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức | <p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$ <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 80% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0 | <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm đánh giá - Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức năm (báo cáo đầy đủ, đúng nội dung, số liệu theo văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ) | Phòng Nội vụ |
| 44. | TCTP 5.7.1 - Tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn | <p>- Yêu cầu: thống kê số lượng cán bộ cấp xã của huyện; thống kê số lượng cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định.</p> <p>Tính tỷ lệ % số lượng cán bộ đạt chuẩn với tổng số lượng cán bộ cấp xã của huyện nếu đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0. | Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê số lượng cán bộ đạt chuẩn của huyện; các văn bản khác (nếu có). | Phòng Nội vụ |
| 45. | TCTP 5.7.2 - Tỷ lệ công chức đạt chuẩn | <p>- Yêu cầu: thống kê số lượng công chức cấp xã của huyện; thống kê số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định.</p> <p>Tính tỷ lệ % số lượng công chức đạt chuẩn với tổng số lượng công chức cấp xã của huyện nếu đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; | Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê số lượng công chức đạt chuẩn của huyện; các văn bản khác (nếu có). | Phòng Nội vụ |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|--|------------------------------------|
| | | + Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0. | | |
| 46. | TC 6.1 - Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính | <p>- Yêu cầu: Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đúng theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Nếu thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0.</p> | <p>- Quyết định giao tự chủ; - Báo cáo CCHC năm; - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính (do Sở Tài chính cung cấp).</p> | Phòng Tài chính - Kế hoạch |
| 47. | TC 6.2 - Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị trong năm | <p>- Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị trong năm</p> <p>- Đã xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị : 0.5</p> <p>- Chưa xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị : 0</p> | <p>- Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 - Quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019</p> | Phòng Tài chính - Kế hoạch |
| 48. | TC 6.3 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách | - Yêu cầu: Tính tỷ lệ % giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước so với kế hoạch được giao, nếu tỷ lệ này đạt: | <p>- Báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài</p> | Phòng Tài chính - Kế hoạch |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|--|------------------------------------|
| | nhà nước hằng năm | <ul style="list-style-type: none"> + Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá là 1 + Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70%-90% trở lên so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 1.00}{100} \right]$ + Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 70% so với kế hoạch thì điểm đánh giá là 0. + Trường hợp cơ quan, đơn vị không phải giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước thì điểm đánh giá là 1 | chính (do Sở Tài chính cung cấp). | |
| 49. | TC 6.4 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thống kê tổng số các kiến nghị được cấp có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách trong 2 năm gần nhất (2018, 2019). Thống kê số kiến nghị đã thực hiện xong. Nếu tỷ lệ % số kiến nghị đã thực hiện xong: + 100% kiến nghị được thực hiện thì điểm đánh giá là 1 + Từ 80%- dưới 100% số kiến nghị được thực hiện thì điểm đánh giá là 0.5 + Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện thì điểm đánh giá là 0 | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện các kiến nghị, kết luận thanh tra, kiểm tra kèm theo tài liệu kiểm chứng (quyết định thu hồi, giấy nộp tiền.... nếu có) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính (do Sở Tài chính cung cấp). | Phòng Tài chính - Kế hoạch |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|------|---|---|--|------------------------------------|
| 50. | TC 6.5 - Việc thực hiện định mức sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc | - Yêu cầu: các cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng định mức sử dụng tài sản công . + 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định điểm đánh giá là 0.5 + Dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định điểm đánh giá là 0 | - Quy chế quản lý và sử dụng Tài sản công của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính (do Sở Tài chính cung cấp). | Phòng Tài chính - Kế hoạch |
| 51. | TC 6.6 - Thực hiện tiết kiệm kinh phí hành chính, tăng thu nhập trong cơ quan chuyên môn cấp huyện, ĐVHC cấp xã | Nếu trong năm có tiết kiệm được kinh phí, thực hiện tăng thu nhập thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện tăng thu nhập điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo CCHC năm; - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính (do Sở Tài chính cung cấp). | Phòng Tài chính - Kế hoạch |
| 52. | TC 6.7 - Thực hiện công khai tài chính tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc | - Yêu cầu: các cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng định về công khai tài chính + 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định điểm đánh giá là 0.5 + Dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo tình hình thực hiện công khai quyết toán năm 2018 và dự toán giao năm 2019; công khai quản lý, sử dụng tài sản công. - Báo cáo công khai thực hiện dự toán hàng quý, 6 tháng, năm 2019. | Phòng Tài chính - Kế hoạch |
| 53. | TC 6.8 - Báo cáo đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm | - Yêu cầu: các cơ quan, đơn vị Báo cáo đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của các huyện, thành phố; cơ chế tự chủ, tự chịu trách | - Quyết định giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của các sở, ban, ngành; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành | Phòng Tài chính - Kế hoạch |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|---|------------------------------------|
| | về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của các sở, ban, ngành; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành | nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành + Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi đúng thời hạn: 0.5 + Báo cáo không đầy đủ nội dung theo quy định hoặc gửi sau thời hạn quy định: 0 | - Báo cáo đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của các sở, ban, ngành; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành | |
| 54. | TCTP 7.1.1 - Kết quả ứng dụng CNTT theo Bộ tiêu chí đánh giá ứng dụng mức độ ứng dụng CNTT | Yêu cầu: Căn cứ kết quả đánh giá ứng dụng mức độ ứng dụng CNTT của Sở Thông tin và Truyền thông, nếu điểm đạt được từ 90 điểm trở lên thì điểm đánh là 3. Nếu đạt từ 50 đến dưới 90 điểm thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Số điểm} \times 3.00}{90} \right]$ Dưới 50 điểm thì điểm đánh giá là 0. | - Kết quả đánh giá, chấm điểm của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp). | Phòng Văn hóa và Thông tin |
| 55. | TCTP 7.1.2 - Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử (có ký số) giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Văn bản theo | - Yêu cầu + Thống kê tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) của cơ quan được phát hành trong năm (gọi là VĂN BẢN ĐI). + Thống kê tổng số văn bản đi của các cơ quan được gửi dưới dạng văn bản điện tử, tính cả văn bản được gửi song song với bản giấy (gọi tắt là VĂN BẢN ĐIỆN TỬ). - Tính tỷ lệ % giữa tổng số VĂN BẢN | - Báo cáo CCHC năm; - Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan(hàng quý); báo cáo chính phủ điện tử của cơ quan (hàng quý); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp). | Phòng Văn hóa và Thông tin |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|--|---|------------------------------------|
| | quy định áp dụng ký số) | ĐIỂM TỬ so với tổng số VĂN BẢN ĐI. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 2; + Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số văn bản} \times 2.00}{80\%} \right]$ + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0. | | |
| 56. | TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm | - Yêu cầu: + Thống kê số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ. + Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC nêu trên. + Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống). Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 50% số hồ sơ trở lên thì điểm đánh giá là 1; + Từ 30% - dưới 50% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 30% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan, đơn vị (hàng quý); báo cáo chính phủ điện tử của cơ quan (hàng quý); - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 57. | TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ được xử | - Yêu cầu: + Thống kê số TTHC đang cung cấp trực | - Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan, đơn vị (hàng quý); báo cáo chính phủ điện | Văn phòng HĐND&UBND huyện |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|------------------------|--|---|------------------------------------|
| | lý trực tuyến mức độ 3 | <p>tuyển mức độ 3 có phát sinh hồ sơ.</p> <p>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC nêu trên.</p> <p>+ Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 40% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Từ 20% - dưới 40% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{40\%} \right]$</p> <p>+ Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>+ UBND huyện Mai Sơn, trong năm 2019 có 50 TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3. Trong đó, chỉ có 20 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến. Trong số 20 TTHC này, trong năm, đã tiếp nhận tổng số 545 hồ sơ TTHC bằng cả hình thức trực tuyến và truyền thống, trong đó, có 190 hồ sơ TTHC được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến. Như vậy, tỷ lệ % hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến của 20 TTHC nêu trên là $(190/545 \times 100\%) = 34.86\%$.</p> <p>+ Vì tỷ lệ này đạt ở khoảng từ 20% - dưới 40% nên điểm đánh giá được tính theo công</p> | <p>tử của cơ quan (hàng quý);</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có);</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p> <p>- Kết quả kiểm tra trực tiếp trên phần mềm (do Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra)</p> | |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|--|---|---------------------------------------|
| | | <p>thức $(34.86\% * 1.00)/40\% = 0.8715$ điểm</p> <p>Như vậy, đối với TCTP này, UBND huyện Mai Sơn đạt 0.8715 điểm.</p> | | |
| 58. | TCTP 7.2.3 - Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 4 | <p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ.</p> <p>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thông) của các TTHC nêu trên.</p> <p>+ Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thông). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Từ 10% - dưới 30% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{30\%} \right]$</p> <p>+ Dưới 10% thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>+ UBND huyện Mai Sơn, trong năm 2019 có 03 TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4. Trong đó, chỉ có 01 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến. Trong số 01 TTHC này, trong năm, đã tiếp nhận tổng số 40 hồ sơ TTHC bằng cả hình thức trực tuyến và truyền thông, trong đó, có 20 hồ sơ TTHC được tiếp</p> | <p>- Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan, đơn vị (hàng quý); báo cáo chính phủ điện tử của cơ quan (hàng quý);</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có);</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p> <p>- Kết quả kiểm tra trực tiếp trên phần mềm (do Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra)</p> | Văn phòng HĐND&UBND huyện |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|--|---|--|------------------------------------|
| | | <p>nhận bằng hình thức trực tuyến. Như vậy, tỷ lệ % hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến của 01 TTHC nêu trên là $(20/40 \times 100\%) = 50\%$.</p> <p>+ Vì tỷ lệ này lớn hơn 30%, nên điểm đánh giá là 1. Như vậy, đối với TCTP này, UBND huyện Mai Sơn đạt 1 điểm.</p> | | |
| 59. | TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI | <p>- Yêu cầu: Thống kê danh mục TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 70% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5; + Từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.3; + Từ 20% - dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.2; + Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</p> | <p>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của cơ quan, đơn vị; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p> | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 60. | TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI | <p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI. + Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong</p> | <p>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của cơ quan, đơn vị; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông</p> | Văn phòng HĐND&UBND huyện |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|-----------------|---|--|------------------------------------|
| | | <p>năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên; + Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{10\%} \right]$ - Ví dụ: + UBND huyện Mai Sơn có 20 TTHC thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI, trong năm, đã tiếp nhận tổng số 800 hồ sơ (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức trực tiếp) của 20 TTHC đó, theo đó, có 70 hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI. Như vậy, tỷ lệ % hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của 20 TTHC nêu trên là $(70/800 \times 100\%) = 8.75\%$. + Vì tỷ lệ này nhỏ hơn 10% nên điểm đánh giá được tính theo công thức $(8.75\% \times 1.00) / 10\% = 0.875$ điểm. Như vậy, đối với TCTP này, UBND huyện Mai Sơn đạt 0.875 điểm.</p> | <p>tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p> | |
| 61. | TCTP 7.3.3 - Tỷ | - Yêu cầu: | - Báo cáo CCHC năm; | Văn phòng HĐND&UBND |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|--|---|--|
| | lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI | <ul style="list-style-type: none"> + Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ; + Thống kê tổng số hồ sơ TTHC trong năm đã được trả kết quả giải quyết (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và trả qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên; + Thống kê số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 20% trở lên thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 20% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{20\%} \right]$ | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của cơ quan, đơn vị; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp). | huyện |
| 62. | TCTP 7.4.1 - Có công bố kịp thời hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001 áp dụng tại cơ quan, đơn vị. | - Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị thực hiện công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001 thì điểm đánh giá là 0,5; Không công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 thì điểm đánh giá là 0. | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định công bố ISO; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ (do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 63. | TCTP 7.4.2 - Có tổ chức đánh giá nội bộ hàng năm | - Yêu cầu: Trong năm có tổ chức đánh giá nội bộ theo quy trình quy định thì điểm | <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đánh giá nội bộ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kế hoạch đánh giá nội bộ; | Văn phòng HĐND&UBND huyện |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|--|---|--------------------------------------|
| | | đánh giá là 0,5; không thực hiện đánh giá nội bộ thì điểm đánh giá là 0. | <ul style="list-style-type: none"> + Chương trình đánh giá; + Chỉ định đoàn đánh giá; + Phiếu ghi chép trong quá trình đánh giá + Hành động khắc phục, phòng ngừa sau đánh giá (nếu có) + Báo cáo kết quả đánh giá | |
| 64. | TCTP 7.4.3 - Kịp thời cập nhật tài liệu, điều chỉnh, xây dựng mới các quy trình ISO theo sự thay đổi của TTHC | - Yêu cầu: Các cơ quan đã công bố ISO phải tổ chức thực hiện, duy trì và cải tiến quy trình ISO theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Khi có thay đổi về TTHC thuộc thẩm quyền có áp dụng quy trình ISO thì phải cập nhật ngay theo công bố TTHC thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; thực hiện không kịp thời thì điểm đánh giá là 0. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện ISO 06 tháng, năm của cơ quan, đơn vị; - Quyết định ban hành tài liệu kèm danh mục tài liệu về HTQLCL và Quyết định công bố TTHC mới nhất (để so sánh). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ (do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 65. | TCTP 7.4.4 - Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định | <p>Tính tỷ lệ % giữa số ĐVHC cấp xã đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 hoặc 9001:2015 so với tổng số ĐVHC cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 90% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 70% - dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.5; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0. | <ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định công bố ISO hoặc báo cáo thống kê của UBND tỉnh; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ (do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp). | Văn phòng HĐND&UBND huyện |
| 66. | TCTP 8.2.1 - Mức độ thu hút đầu tư của | Thống kê tổng số vốn thu hút đầu tư của huyện, thành phố trong năm (đơn vị tính là: tỷ đồng). Nếu tổng số vốn thu hút đầu tư | - Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thành phố trong năm đánh giá và trước liền kề. | Phòng Tài chính - Kế hoạch |

| ST T | Tên TC/TCTP | Cách chấm điểm | Tài liệu kiểm chứng | Cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí |
|---------|---|--|--|------------------------------------|
| | huyện, thành phố | của huyện, thành phố trong năm đánh giá: - Cao hơn so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1; - Bằng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0.5; - Thấp hơn so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0. | - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp). | |
| 67. | TCTP 8.2.2 - Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được tỉnh giao | Nếu thu ngân sách của huyện, thành phố trong năm đánh giá vượt chỉ tiêu được tỉnh giao thì điểm đánh giá là 1; nếu hoàn thành chỉ tiêu được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu không hoàn thành chỉ tiêu được giao thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thành phố trong năm đánh giá. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính (do Sở Tài chính cung cấp). | Phòng Tài chính - Kế hoạch |
| 68. | TCTP 8.2.3 - Đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp | - Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt việc tổ chức đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp + Có thực hiện: 0.5 + Không thực hiện đầy đủ: 0 | - Kế hoạch Đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; - Báo cáo kết quả Đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; - Báo cáo PAPI 6 tháng, năm | Văn phòng HĐND&UBND |
| 69. | TCTP 8.2.4 - Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp | - Yêu cầu: Các cơ quan có thực hiện việc Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp + Có thực hiện: 0.5 + Không thực hiện: 0 | - Báo cáo công tác Tư pháp năm - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp). | |